TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 04 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2026/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1972.

Căn cước công dân số: 049072016498 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/6/2021.

Nơi cư trú: Số 03 đường Đ, Tổ 156 phường N, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Hà Thị Thanh T**, sinh năm 1975.

Căn cước công dân số: 048175001180 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/4/2021.

Nơi cư trú: Số 03 đường Đ, Tổ 156 phường N, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam nay là Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cải vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định

về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định có 01 con chung là Nguyễn Bá Hoàng N, sinh ngày: 01/3/2006. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0001110 ngày 30/01/2026.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 160, quyển số 01 ngày 12/11/2004, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam nay là Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định có 01 con chung là Nguyễn Bá Hoàng N, sinh ngày: 01/3/2006. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Nguyễn Bá T và bà Hà Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0001110 ngày 30/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường A, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết